

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PQ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20-01-2020
“V/v Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PQ TỈNH KIÊN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Kiệt

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Ba

2. Ông Nguyễn Phước Lộc

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Chí - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PQ, tỉnh Kiên Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PQ, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PQ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia và đình thụ lý số: 352/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 về việc: “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Hồng T, sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2- Bị đơn: Anh Trần Bình Q, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Các đương sự cùng địa chỉ: Tổ 1, khu Phố 4, thị trấn Dương Đông, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 9 năm 2019, các lời khai có trong hồ sơ nguyên đơn chị Thạch Thị Hồng T trình bày: Vào năm 2001 chị T và anh

Trần Bình Q tự nguyện thương yêu nhau và chung sống với nhau như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới với nhau vì bên gia đình chị T không đồng ý. Do thiếu hiểu biết pháp luật nên không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng sinh được 01 con tên Trần Hồng N, sinh ngày 22-10-2001. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng có tạo dựng được một số tài sản chung nhưng vợ chồng đã thỏa thuận với nhau để giải quyết số tài sản này, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng năm 2013 vợ chồng luôn bất đồng ý kiến trong cuộc sống, thường xuyên mâu thuẫn. Anh Q không lo làm ăn mà ở nhà nuôi Gà đá cho người khác, anh Q có quen với người phụ nữ khác, hiện nay thì người phụ nữ này đang mang thai. Do đó, chị và anh Q đã sống ly thân với nhau khoảng hơn 1 năm nay. Tháng 02/2019 anh Q đánh chị rồi đuổi ra khỏi nhà nên chị T đã ra ở trọ tại Khu Phố 10, thị trấn Dương Đông, huyện PQ từ đó đến nay. Nay xét thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Trần Bình Q. Vợ chồng không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án công bố không công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Trần Hồng N, sinh ngày 22-10-2001, nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề về tài sản và nợ.

Bị đơn anh Trần Bình Q đã được Tòa án nhân dân huyện PQ triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Q vắng mặt không rõ lý do. Anh Q vẫn mặt tại địa phương, nhưng vẫn cố tình không tham gia tố tụng tại Tòa án. Do đó, anh Q không có lời khai trình bày yêu cầu trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Thạch Thị Hồng T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Trần Bình Q là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến

phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: Chị T xác định vào năm 2001 chị và anh Trầm Bình Q tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng cho đến nay không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, khoảng năm 2013 vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Do đó, chị và anh Q đã sống ly thân với nhau khoảng hơn 1 năm nay. Tháng 02/2019 anh Q đánh chị rồi đuổi ra khỏi nhà nên chị Trinh đã ra ở trọ tại Khu Phố 10, thị trấn Dương Đông, huyện PQ từ đó đến nay. Nay xét thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, nếu kéo dài thì mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T khởi kiện xin ly hôn với anh Q.

[2.1] Về hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Thạch Thị Hồng T và anh Trầm Bình Q tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2001, HĐXX ghi nhận. Tuy nhiên, tại thời điểm chung sống với nhau các bên có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn mà vẫn chung sống đến cho nay như vợ chồng là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh Q, căn cứ các Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị Thạch Thị Hồng T và anh Trầm Bình Q là vợ chồng là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Thạch Thị Hồng T xác định chị và anh Trầm Bình Q sống chung với nhau sinh được một người con tên Trầm Hồng N, sinh ngày 22-10-2001. Nay N đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản và nợ, HĐXX miễn xét.

[3] Về án phí: Chị Thạch Thị Hồng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 147; 227; 228; 238; 266; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9; 14; 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Thạch Thị Hồng T và anh Trầm Bình Q là vợ chồng.

2. Về con, tài sản và nợ chung: Không yêu cầu, Hội đồng xét xử miễn xét.

3. Về án phí: Chị Thạch Thị Hồng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0006765 ngày 04-10-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PQ, chị T đã thực hiện xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (chị T, anh Q đều vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú) để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện PQ;
- T.H.A DS huyện PQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Kiệt